TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **282** /2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/10/2018
V/v: Yêu cầu cấp dưỡng và chia TS chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thảo và ông Hà Hữu Bình

- *Thư ký phiên to*à: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Khánh Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2016/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2016, về việc "Yêu cầu cấp dưỡng và chia tài sản chung sau ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/9/2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thu T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

* *Bị đơn*: Anh Bùi Minh L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 06, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thu T. và anh Bùi Minh L. trước đây là vợ chồng, năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị quyết định ly hôn. Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 172/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Minh L. và chị Phạm Thu T, giao cháu Bùi Minh N, sinh ngày 26/1/2009 cho chị Phạm Thu T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về công nợ chung không có không giải quyết, về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Ngày 13/10/2015 Chị Phạm Thu T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung sau ly hôn đối với anh Bùi Minh ..

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thu T. trình bầy: Theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án

nhân dân thành phố Tuyên Quang đã giao cháu Bùi Minh N, sinh ngày 26/1/2009 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh L. không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N. là trẻ khuyết tật, sau khi ly hôn anh L. không quan tâm tới cháu, không làm tròn trách nhiệm của người cha nên chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N. mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị T. đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc anh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N. 2.000.000 đồng /tháng đối với bậc học tiểu học, 3.000.000 đồng/tháng đối với bậc học THCS, 4.000.000 đồng/tháng đối với bậc học THPT và 3.000.000 đồng/tháng sau khi cháu đã trưởng thành không tự lao động kiếm tiền nuôi sống bản thân được.

Về tài sản chung vợ chồng có: 01 Xe tải mầu trắng, nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 22C-029.32, mang tên đăng ký là Bùi Minh L, xe mua mới năm 2014; 01 Tủ lạnh Hitachi 4 cánh mầu đen bạc tráng gương, nhãn hiệu R-W 660PGV3 550 lít, mua mới năm 2012; 01 Ti vi Sony 3D, 55inh, nhãn hiệu SonyW800C mầu đen, mua mới năm 2014; 01 điều hòa 1 chiều Panasonic KC12QKH8, công suất 12000BTU mầu trắng, mua mới năm 2010; 01 điều hòa FUJITSU 2 chiều ASYG12LL TA mầu trắng, công suất 12000BTU, mua mới tháng 4/2015; 01 tủ gỗ xoan đào 5 cánh, mầu cánh dán, mua mới năm 2012. Tổng giá trị tài sản là: 125.395.846 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng). Chị nhất trí với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá và đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi giá trị tài sản theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Bùi Minh L. khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trước khi ly hôn anh và chị Phạm Thu T. có khối tài sản chung gồm: 01 Xe tải nhãn hiệu THACO, 01 Tủ lạnh Hitachi 4 cánh mầu đen bạc tráng gương, 01 Ti vi Sony 3D, 55inh, nhãn hiệu SonyW800C mầu đen, 01 điều hòa 1 chiều Panasonic KC12QKH8, 01 điều hòa FUJITSU 2 chiều ASYG12LL TA mầu trắng, 01 tủ gỗ xoan đào 5 cánh, mầu cánh dán như chị T. trình bầy là đúng. Sau khi ly hôn anh chị đã tự thỏa thuận chia tài sản chung là anh được quyền sử dụng toàn bộ khối tài sản trên còn chị T. được sử dụng số tiền bán xe ô tô con KIA Porte là 350.000.000 đồng (xe bán trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại). Khi thỏa thuận chia tài sản 2 bên chỉ thỏa thuận miệng, không viết giấy tờ. Sau khi ly hôn, do gia đình tan nát, anh bị thất nghiệp không có công ăn việc làm nên xa vào con đường rượu chè, không có tiền anh đã bán hết khối tài sản trên để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Nay anh xác định sau khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận chia giao tài sản chung xong, khối tài sản trên hiện nay không còn nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại anh đang thất nghiệp, làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không nhất trí cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang*:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Bùi Minh L. không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 172/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Thu T.

với anh Bùi Minh L. và giao con chung là cháu Bùi Minh N, sinh ngày 26/1/2009 cho chị T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không giải quyết việc cấp dưỡng và chia tài sản chung do các đương sự không có yêu cầu. Ngày 13/10/2015 chị T. có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng và chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của chị T. là có cơ sở đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. buộc anh Bùi Minh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. mỗi tháng từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng và chia cho mỗi bên được hưởng ½ giá trị của khối tài sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị T. thấy rằng: Chị Phạm Thu T. và anh Bùi Minh L. trước đây là vợ chồng, năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị Quyết định ly hôn. Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 172/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã giải quyết về quan hệ hôn nhân và việc giao nuôi con chung, chưa giải quyết việc cấp dưỡng và chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Do vậy, chị T. làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết yêu cầu anh Bùi Minh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định pháp luật. Anh L. thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại anh chị đã tạo dựng được 1 khối tài sản chung, khi ly hôn đã thỏa thuận chia giao cho nhau xong. Do vậy, xác định đây là vụ án về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung sau ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Phạm Thu T. và anh Bùi Minh L. có với nhau 01 người con chung là cháu Bùi Minh N, sinh ngày 26/1/2009. Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 172/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2015, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã giao cháu N. cho chị T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh L. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung. Quá trình giải quyết chị T. yêu cầu anh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Anh L. không nhất trí vì hiện tại anh là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Bùi Minh Nhật là con chung của chị Phạm Thu T. với anh Bùi Minh L. nên cả 2 người phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Anh L. đang còn trong độ tuổi lao động, là lao động tự do, không ốm đau bệnh tật; Cháu N. hiện là trẻ khuyết tật vận động thể nặng, đi lại khó khăn nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T. có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thu T. đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc anh Bùi Minh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bùi Minh Nhật theo phương thức là 2.000.000 đồng/tháng đối với bậc học tiểu học, 3.000.000 đồng/tháng đối với bậc học THCS, 4.000.000 đồng/tháng đối với bậc học THPT và 3.000.000 đồng/tháng sau khi cháu đã

trưởng thành vì cháu là trẻ khuyết tật không thể đi làm nuôi sống bản thân được. Căn cứ vào khả năng thu nhập thực tế của anh L. và nhu cầu thiết yếu của cháu N, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị T. là vượt quá khả năng kinh tế hiện tại của anh L. nên không có cơ sở xem xét.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện thu nhập bình quân của người dân làm lao động tự do là 1.700.000 đồng/ người/ tháng.

Căn cứ vào thu nhập bình quân của người dân lao động tự do, điều kiện kinh tế, cũng như nhu cầu thiết yếu về mọi mặt của cháu Bùi Minh N, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang là có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng của chị T. là quá cao so với thu nhập bình quân nên buộc anh Bùi Minh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Bùi Minh Nhật đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, mỗi tháng nộp một lần kể từ tháng 12/2018.

[3]. Về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn: Anh Bùi Minh L. và chị Phạm Thu T. cùng xác định sau khi ly hôn anh chị còn có khối tài sản chung gồm đồ dùng phục vụ sinh hoạt gia đình là thực tế nên có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của chị T.

Quá trình giải quyết anh Bùi Minh L. cho rằng, sau khi ly hôn vợ chồng đã tự thỏa thuận chia tài sản với nhau xong, anh được quyền sử dụng khối tài sản trên và đã bán hết hiện không còn tài sản nào. Tuy nhiên anh L. không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Theo kết quả định giá tài sản thể hiện:

- 01 Xe tải nhãn hiệu THACO có trị giá 86.240.000 đồng.

- 01 Tủ lạnh Hitachi 4 cánh mầu đen bạc tráng gương trị giá 8.989.088 đồng.

- 01 Ti vi Sony 3D, 55inh, nhãn hiệu SonyW800C mầu đen trị giá 16.845.246 đồng

- 01 điều hòa 1 chiều Panasonic KC12QKH8 trị giá 3.866.279 đồng

- 01 điều hòa FUJITSU 2 chiều ASYG12LL TA mầu trắng, trị giá 5.788.600 đồng

- 01 tủ gỗ xoan đào 5 cánh, mầu cánh dán, trị giá 3.666.633 đồng

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 125.395.846 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng)

Sau khi ly hôn anh L. là người trực tiếp quản lý, sử dụng khối tài sản trên và đã bán khối tài sản trên để sử dụng vào mục đích cá nhân nên cần buộc anh L. có nghĩa vụ trả lại ½ giá trị tài sản cho chị T. tương đương số tiền 62.697.923 đồng, anh L. còn được hưởng giá trị tài sản là 62.697.923 đồng.

[4]. Về tiền định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị T. có đơn đề nghị Tòa án thành lập hội đồng tiến hành định giá tài sản và đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản. Số tiền chi phí cho việc định giá là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), các đương sự đều được hưởng giá trị tài sản nên cần buộc mỗi người phải chịu ½ số tiền định giá. Chị T. đã nộp số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và đã thanh toán xong, cần buộc anh L. có nghĩa vụ trả lại cho chị T. số tiền định giá tài sản anh L. phải chịu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

[5]. Về án phí:

Anh Bùi Minh L. chị Phạm Thu T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được hưởng là 62.697.923 đồng x 5% = 3.134.896 đồng. Ngoài ra anh L. còn phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng. Như vậy, số tiền án phí anh L. phải chịu là 3.134.896 đồng + 300.000 đồng = 3.434.896 đồng, làm tròn số 3.434.800 đồng (ba triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng).

Số tiền án phí chị T. phải chịu là 3.134.896 đồng (ba triệu một trăm ba mươi tư nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng), trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.443.000 đồng. Còn trả lại cho chị T. số tiền chênh lệch là 308.104 đồng, làm tròn số 308.000 đồng (ba trăm linh tám nghìn đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 163, 164, 165, 166, 228, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 59, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về cấp dưỡng: Anh Bùi Minh L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thu T. mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Bùi Minh N. đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018.

2. Về chia tài sản chung sau ly hôn:

- Anh Bùi Minh L. được quyền sử dụng giá trị của khối tài sản chung là 125.395.846 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng) và có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thu T. số tiền chia tài sản chung là 62.697.923 đồng, làm tròn số 62.697.900 đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bẩy nghìn chín trăm đồng). Anh L. còn được hưởng giá trị tài sản là 62.697.923 đồng, làm tròn số 62.697.900 đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bẩy nghìn chín trăm đồng).

- Chị Phạm Thu T. được quyền sử dụng, sở hữu số tiền chia tài sản chung do anh L. trả là 62.697.923 đồng, làm tròn số 62.697.900 đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bẩy nghìn chín trăm đồng).

3. Về chi phí định giá tài sản: Anh Bùi Minh L. có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Phạm Thu T. số tiền chi phí định giá tài sản anh L. phải chịu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

4. Về án phí:

- Chị Phạm Thu T. phải chịu án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm là 3.134.896 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.443.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000881 ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Còn trả lại cho chị T. 308.104 đồng (ba trăm linh tám nghìn một trăm linh bốn đồng)

- Anh Bùi Minh L. phải chịu án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm là 3.134.896 đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng. Tổng cộng: 3.434.896 đồng, làm tròn số 3.434.800 đồng (ba triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị T. được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L. được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND phường N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến

Các hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Hà Hữu Bình - Lê Thị Thảo	**Tạ Hồng Chiến**